TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2018/DS-ST
Ngày: 16/4/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 575/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Diệp Khải P, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Đường P, Khu phố D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Chí V, sinh năm 1972(có mặt)

Bà Lê Vũ Phương T, sinh năm 1973 (có yêu cầu vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường P, Khu phố D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đinh Thanh M, sinh năm 1961(có mặt)

Địa chỉ: Đường P, Khu phố D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Diệp Khải P cùng các lời khai tiếp theo của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau:

Bà P khởi kiện yêu cầu ông Lê Chí V và bà Lê Vũ Phương T trả cho bà số tiền 180.000.000đồng theo Giấy mượn tiền ngày 13/01/2014 và Giấy hứa trả tiền ngày 28/4/2014.

Do có quan hệ quen biết với ông Lê Chí V nên ngày 10/8/2013 bà P cho ông V mượn số tiền 150.000.000đồng để làm ăn, hai bên có lập giấy biên nhận không ghi ngày tháng, theo nội dung giấy biên nhận thì thời hạn vay từ ngày 10/8/2013 đến 10/9/2013. Sau đó bà P cho ông V vay thêm 30.000.000đồng, không làm giấy tờ. Ngày 28/4/2014 ông V, bà T làm giấy hứa trả tiền và cam kết ngày 05/5/2014 sẽ trả đủ nợ cho bà và ông M. Tuy nhiên ông V, bà T không trả đúng theo thỏa thuận, ngày 06/8/2015 ông V tiếp tục làm giấy hẹn trả tiền với nội dung ông V sẽ trả tiền cho ông M, bà P vào ngày 20 đến 28 tết năm 2015. Bà T, ông V không thực hiện đúng cam kết nên ông V tiếp tục làm giấy cam kết không ghi ngày tháng năm với nội dung xin trả tiền cho ông M làm 03 đợt là tháng 4, tháng 7 và cuối năm 2016. Tuy nhiên cho đến nay ông V, bà T mới trả được cho bà và ông M số tiền 20.000.000đồng qua ngân hàng, ngoài ra bà P không nhận bất kỳ khoản tiền nào khác từ ông V, bà T.

Việc ông V cho rằng số tiền 180.000.000đồng là do ông M hùn hạp với ông V là không đúng. Ông M không hùn hạp với ông V, số tiền trên là khoản vay của ông V, bà T.

Nay, bà P yêu cầu ông V, bà T trả số tiền nợ gốc còn lại là 160.000.000đồng, và không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Chí V trình bày:

Ông xác định có nợ của bà P số tiền 180.000.000 đồng như bà P trình bày, đây là khoản tiền ông M hùn hạp làm ăn với ông. Ông đã trả được cho bà P số tiền 117.000.000đồng, trong đó chỉ có 02 lần chuyển khoản 20.000.000đồng là có giấy tờ, các lần giao tiền còn lại đều giao trực tiếp, không có giấy tờ. Ông đồng ý trả lại cho bà P số tiền 63.000.000đồng còn nợ và nếu bà P yêu cầu trả lãi thì ông cũng đồng ý trả. Ông xác nhận đã ký vào Giấy mượn tiền, Giấy biên nhận và Giấy hứa trả tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thanh M trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà P về nội dung vụ án. Số tiền 180.000.000đồng là tiền mà ông V, bà T vay của bà P chứ không phải tiền hùn hạp làm ăn như ông V trình bày. Ông không có yêu cầu gì khác với yêu cầu của bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Vũ Phương T trình bày: Bà thừa nhận bà và ông V có nhận số tiền 180.000.000đồng của bà P, số tiền trên là tiền hùn vốn làm ăn chung giữa ông M và ông V. Ông V đã nhiều lần thanh toán cho ông M, bà P, có 02 lần chuyển khoản vào tài khoản của bà P với số tiền 20.000.000đồng, những lần còn lại ông V trực tiếp đưa tiền cho ông M, bà P nhưng không làm giấy biên nhận. Tổng cộng số tiền bà T, ông V trả cho ông M, bà P là 117.000.000đồng. Bà T đồng ý trả cho ông M, bà P số tiền còn nợ là 63.000.000đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Diệp Khải P đồng ý chỉ yêu cầu ông Lê Chí V, bà Lê Vũ Phương T trả cho bà số tiền 100.000.0000đồng. Thời hạn trả trong năm 2018, hạn cuối là ngày 31/12/2018.

Bị đơn ông Lê Chí V đồng ý trả cho bà Diệp Khải P và ông Đinh Thanh M số tiền 100.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Thời hạn trả trong năm 2018, hạn cuối là ngày 31/12/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Thanh M thống nhất với yêu cầu của bà P, đồng ý chỉ yêu cầu ông Lê Chí V, bà Lê Vũ Phương T trả cho ông và bà P số tiền 100.000.0000đồng, không yêu cầu tính lãi. Thời hạn trả trong năm 2018, hạn cuối là ngày 31/12/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Vũ Phương T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật.

Về nội dung: Qua trình bày của các bên, có cơ sở xác định ông V, bà T có vay của bà P số tiền 180.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà P, ông M đồng ý cho ông V, bà T trả lại số tiền 100.000.000đồng, thời hạn trả đến ngày 31/12/2018 là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà T cùng trú tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, trả nợ nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo qui định tại Điều 26, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đơn khởi kiện của bà P phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Vũ Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Theo Giấy mượn tiền ngày 13/01/2014, Giấy hứa trả tiền ngày 28/01/2014 và lời khai của các đương sự thì có cơ sở xác định ông Lê Chí V, bà Lê Vũ Phương T có vay của bà Diệp Khải P, ông Đinh Thanh M số tiền 180.000.000đồng.

Ông V, bà T cho rằng đây khoản tiền hùn hạp làm ăn của ông M (chồng bà P) với ông, ông M và bà P không thừa nhận việc này, ngoài lời khai thì ông V, bà T không có giấy tờ tài liệu nào thể hiện khoản tiền trên là tiền hùn hạp làm ăn giữa ông M và ông V. Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 13/01/2014 thể hiện thì ông V mượn của ông M, bà P số tiền 150.000.000đồng. Theo giấy hứa trả tiền ngày 28/4/2014 thì ông V, bà T xác nhận có vay của bà P số tiền 180.000.000đồng và hứa ngày 05/5/2014 trả tiền cho ông M, bà P. Như vậy, trình bày của ông V, bà T không có căn cứ chấp nhận.

Xét việc ông V, bà T trình bày ông bà đã trả cho bà P, ông M số tiền 117.000.000đồng nhưng ông V chỉ cung cấp Giấy nộp tiền ngày 08/7/2014 và Giấy nộp tiền kiêm ủy nhiệm chi ngày 29/7/2014 mỗi giấy 10.000.000đồng và ông V cũng thừa nhận, ngoài khoản tiền 20.000.000đồng theo 02 giấy biên nhận trên thì các khoản còn lại ông giao tiền cho bà P đều không có giấy tờ. Bà P chỉ thừa nhận ông V đã trả cho bà 20.000.000đồng gửi qua tài khoản ngân hàng, ngoài ra bà không nhận khoản tiền nào khác từ ông V, bà T. Từ đó có cơ sở xác định bà T ông V đã trả cho bà P số tiền 20.000.00đồng.

Như vậy, hiện nay ông V bà T còn nợ bà P, ông M số tiền 180.000.000đồng - 20.000.000đồng = 160.000.000đồng.

Xét, tại phiên tòa bà P, ông M chỉ yêu cầu ông V, bà T trả lại cho ông, bà số tiền 100.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, thời hạn trả đến 31/12/2018, là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và có lợi cho phía bị đơn nên được ghi nhận.

Từ những phân tích ở trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà P yêu cầu ông V, bà T trả cho bà và ông M số tiền 100.000.000đồng. Thời hạn trả trong năm 2018, hạn cuối là ngày 31/12/2018.

Án phí dân sự sơ thẩm ông V, bà T phải nộp trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Diệp Khải P.

Buộc ông Lê Chí V và bà Lê Vũ Phương T phải trả cho bà Diệp Khải P, ông Đinh Thanh M số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo giấy mượn tiền ngày 13/01/2014, Giấy Biên nhận không ghi ngày tháng và Giấy hứa trả tiền ngày 28/4/2014, thời hạn thanh toán trong năm 2018, hạn cuối thanh toán là ngày 31/12/2018.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Chí V và Lê Vũ Phương T phải nộp 5.000.000(năm triệu) đồng.

Hoàn trả cho bà Diệp Khải P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000đồng (bốn triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0037680 ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thị Thanh